

Số: **3195**/STC-QLGCS&TC DN

Tuyên Quang, ngày **07** tháng 12 năm 2023

Về việc đăng tải và xin ý kiến  
vào dự thảo Quyết định của UBND

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang;
- Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang;
- Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang;
- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Hiệp hội các doanh nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Văn bản số 5698/UBND-THVX ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2023/TT-BTC);

Tại điểm c, khoản 1, Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC quy định: “... Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý đối với những tài sản quy định tại điểm này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) để thống nhất quản lý.”

Tại khoản 2, Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC quy định: “2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này). Thời gian tính hao mòn của một tài sản cố định vô hình không thấp hơn 04 (bốn) năm và không cao hơn 50 (năm mươi) năm...”

Căn cứ văn bản chế độ chính sách hiện hành của nhà nước có liên quan, tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài chính dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài chính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị (như mục kính gửi):

1. Các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính trước ngày **20/12/2023** để hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Đề nghị Trung tâm Thông tin-Hội nghị, trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Đăng tải dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang của Ủy ban nhân dân tỉnh, mục góp ý dự thảo văn bản để lấy ý kiến nhân dân trong 30 ngày; tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài chính để hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

*(Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn> và được gửi qua hộp thư điện tử hoặc hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị).*

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

~~Nơi nhận:~~

- Như trên (để tham gia);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang Website Sở Tài chính;
- Phòng: QLNS, TCHCSN, Văn phòng Sở, Thanh tra Sở (để tham gia);
- Lưu: VT, QLGCS&TCDN (P.Nga).

**GIÁM ĐỐC**



**Hà Trung Kiên**





Số: /TTr-STC

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023

### TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Quyết định quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2023/TT-BTC);

Căn cứ Văn bản số 5698/UBND-THVX ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2027/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Ngày 25/4/2023 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 23/2023/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý



không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2023/TT-BTC);

Tại điểm c, khoản 1, Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC quy định: "... Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý đối với những tài sản quy định tại điểm này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) để thống nhất quản lý."

Tại khoản 2, Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC quy định: "2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này). Thời gian tính hao mòn của một tài sản cố định vô hình không thấp hơn 04 (bốn) năm và không cao hơn 50 (năm mươi) năm..."

Từ vấn đề nêu trên thì việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

**1. Mục đích:** Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

**2. Quan điểm chỉ đạo:** Việc xây dựng Quyết định phải tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung phải đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành có liên quan.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Dự thảo Quyết định quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được Sở Tài chính xây dựng, tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, đăng trên cổng thông tin điện tử; Sở Tài chính tiếp thu giải trình tại Báo cáo số: /BC-STC ngày tháng năm 2023, trên cơ sở đó gửi văn bản đề nghị Sở Tư pháp thẩm định ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số ...../BC-STP ngày ...../...../2023. Sở Tài chính tiếp thu ý kiến, hoàn chỉnh dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO

**1. Bố cục:** Dự thảo Quyết định gồm 04 Điều và 02 Phụ lục kèm theo.

Điều 1. Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Ban hành Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập); Danh mục tài sản cố định đặc thù

1. Phụ lục số 01: Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình.

2. Phụ lục số 02: Danh mục tài sản cố định đặc thù.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Điều 4. Hiệu lực thi hành

**2. Nội dung cơ bản:** Ban hành quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: không có

Trên đây là Tờ trình về đề nghị ban hành Quyết định quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định.

*(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; (2) Tổng hợp ý kiến tham gia của một số các cơ quan, đơn vị có liên quan; (3) Báo cáo thẩm định số ...../BC-STP ngày ...../...../2023 của Sở Tư pháp; (4) Tổng hợp, tiếp thu ý kiến tại Báo cáo thẩm định số ...../BC-STP ngày ...../...../2023 của Sở Tư pháp)./.*

**Nơi nhận:**

- Như trên (để trình);
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, QLCSG & TCDN (P.Nga).

**GIÁM ĐỐC**

**Hà Trung Kiên**



## THUYẾT MINH

Chi tiết các nội dung tại dự thảo Quyết định quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thay thế Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020

STT	Nội dung Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020	Nội dung quyết định thay thế	Thuyết minh chi tiết
1		<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>	
1.1	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> a) Quyết định này Ban hành danh mục tài sản, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 45/2018/TT-BTC); Tài sản cố định vô hình theo khoản 3 Điều 3, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC và Danh mục tài sản cố định đặc thù theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 45/2018/TT-BTC thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. b) Các nội dung khác không có trong Quyết định này thực hiện theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC và pháp luật hiện hành có liên quan.	<b>1. Phạm vi điều chỉnh</b> Quyết định này quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Phạm vi điều chỉnh được xây dựng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 4 và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính

STT	Nội dung Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020	Nội dung quyết định thay thế	Thuyết minh chi tiết
1.2	<p><b>2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>a) Tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội; cơ sở hoạt động sự nghiệp của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 2 Điều 70 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;</p> <p>b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định quy định tại điểm a Khoản này;</p> <p>c) Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 2 Điều 70 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.</p>	<p><b>2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>b) Doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.</p>	<p>Đối tượng áp dụng đối với danh mục tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù căn cứ quy định tại Điều 2 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính</p>
2	<p><b>Điều 2. Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định</b></p>	<p><b>Điều 2. Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù</b></p>	



STT	Nội dung Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020	Nội dung quyết định thay thế	Thuyết minh chi tiết
2.1	1. Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.	1. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.	Nhiệm vụ giao UBND tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính. Giữ nguyên Danh mục và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình do nội dung này đã được xây dựng và xin ý kiến thống nhất khi ban hành Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh, <b>chỉ sửa cụm từ "thời gian sử dụng" thành "thời gian tính hao mòn"</b> theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC, các nội dung khác không thay đổi.
2.2	2. Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.		Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính không giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung này.
2.3	3. Danh mục tài sản cố định đặc thù tại Phụ lục số 03 kèm theo Quyết định này.	2. Danh mục tài sản cố định đặc thù tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.	Nhiệm vụ giao UBND tỉnh tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính. Giữ nguyên không thay đổi danh mục tài sản cố định đặc thù do nội dung này đã được xây dựng và xin ý kiến thống nhất khi ban hành Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020 của UBND tỉnh.



STT	Nội dung Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020	Nội dung quyết định thay thế	Thuyết minh chi tiết
3	<p><b>Điều 3. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định.</p> <p>2. Sở Tài chính có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh và các cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này.</p>		Không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật trước.
4		<b>Điều 4. Hiệu lực thi hành</b>	
4.1	<p><b>Điều 4. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05/8/2020.</p>	<p>1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình; Tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.</p>	Quyết định này thay thế Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
4.2	<p>2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.</p>		Không quy định lại nội dung đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật trước.



Số /2023/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2023/TT-BTC);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2023 về việc đề nghị ban hành Quyết định quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**



## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

## **Điều 2. Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; danh mục tài sản cố định đặc thù.**

1. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh và các cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định này.

## **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023 và thay thế Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 25/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình; Tài sản cố định vô hình và danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công

lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Như Điều 4 (thi hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Phó VPUBND tỉnh;
- Phòng tin học và Công báo;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TC.

(Báo  
cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**QUY ĐỊNH**  
**THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

(Kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
<b>Loại 1</b>	<b>Quyền tác giả</b>		
1	Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh	30	3,33
2	Các tác phẩm không thuộc loại hình trên	50	2
3	Quyền tác giả khác	25	4
<b>Loại 2</b>	<b>Quyền sở hữu công nghiệp</b>		
1	Bằng độc quyền sáng chế	20	5
2	Giải pháp hữu ích	10	10
3	Kiểu dáng công nghiệp	10	10
4	Nhãn hiệu hàng hóa	10	10
5	Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	10	10
6	Chỉ dẫn địa lý	50	2
7	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10
<b>Loại 3</b>	<b>Quyền đối với giống cây trồng</b>		
1	Giống cây thân gỗ và cây nhỏ	25	4
2	Giống cây trồng khác	20	5
<b>Loại 4</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>	5	20
<b>Loại 5</b>	<b>Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)</b>	5	20

(Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính)

## QUY ĐỊNH

## DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số: /2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	DANH MỤC
<b>Loại 1</b>	<b>Di tích lịch sử được xếp hạng:</b>
1	Di tích quốc gia đặc biệt
2	Di tích cấp quốc gia
3	Di tích cấp tỉnh
4	Di tích chưa xếp hạng
<b>Loại 2</b>	<b>Cổ vật, hiện vật trưng bày trong Bảo tàng, Nhà trưng bày, Khu lưu niệm và các Khu di tích:</b>
1	Nhóm chất liệu kim loại
2	Nhóm chất liệu nhựa
3	Nhóm chất liệu thủy tinh
4	Nhóm chất liệu mộc
5	Nhóm chất liệu vải
6	Nhóm chất liệu sợi gai
7	Nhóm chất liệu giấy
8	Nhóm chất liệu da
9	Nhóm chất liệu xương
10	Nhóm chất liệu sừng
11	Nhóm chất liệu gốm (sành, sứ)
12	Nhóm chất liệu đá
13	Nhóm chất liệu phim ảnh
14	Nhóm chất liệu lông
15	Nhóm chất liệu vỏ cây, hạt cây
16	Nhóm các tiêu bản mẫu động vật, thực vật
17	Nhóm chất liệu hữu cơ
18	Nhóm chất liệu khác
<b>Loại 3</b>	<b>Tài sản cổ định đặc thù khác</b>